

Land&Life

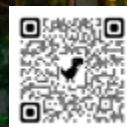
VOL.52 | GIA LAI | WWW.PMCWEB.VN



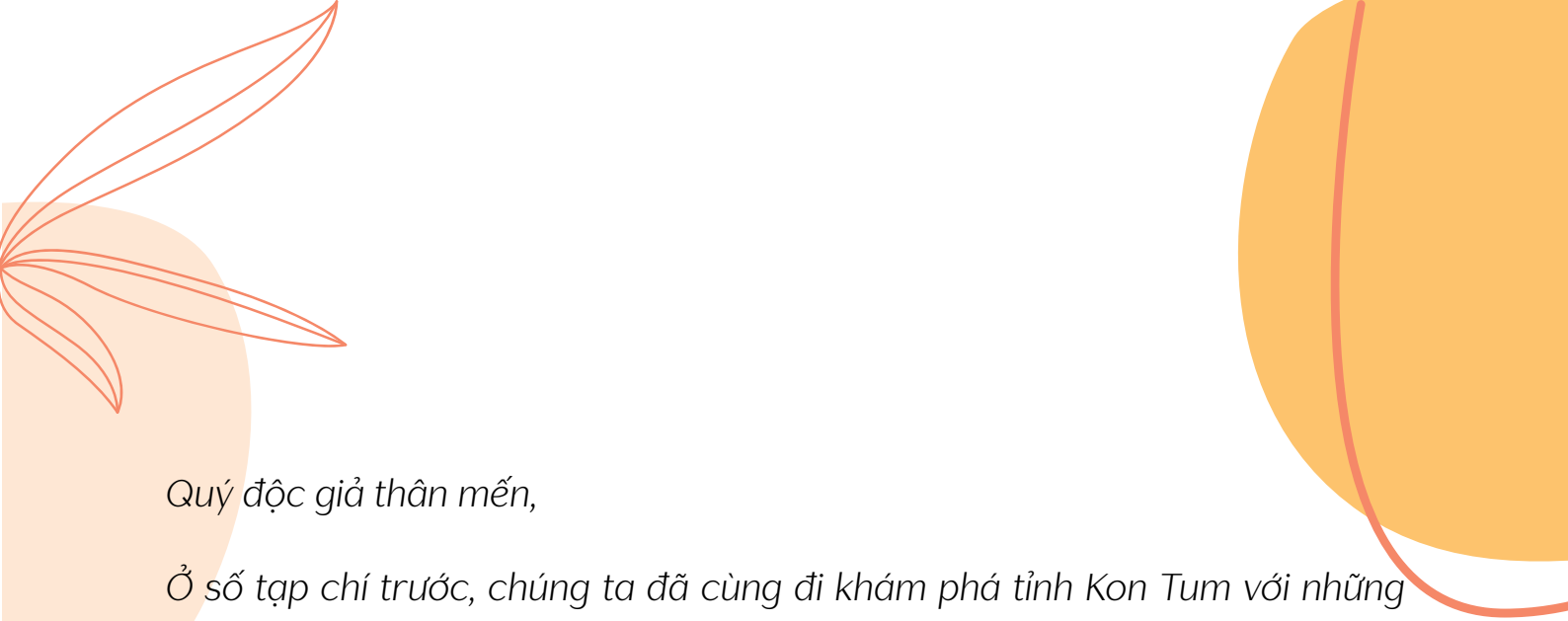
Bản đồ hành chính huyện/ thành phố

Gia Lai

Chỉ tiêu phát triển chính
giai đoạn 2021-2025



Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Kon Tum với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Vol.51 Land&Life tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về miền đất Tây Nguyên đại ngàn, chúng tôi xin được giới thiệu tới Quý độc giả về tỉnh Gia Lai.

Là tỉnh miền núi biên giới phía Bắc của Tây Nguyên, Gia Lai có vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh, là tâm điểm kết nối vùng Tây Nguyên với Duyên hải miền Trung và kết nối khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

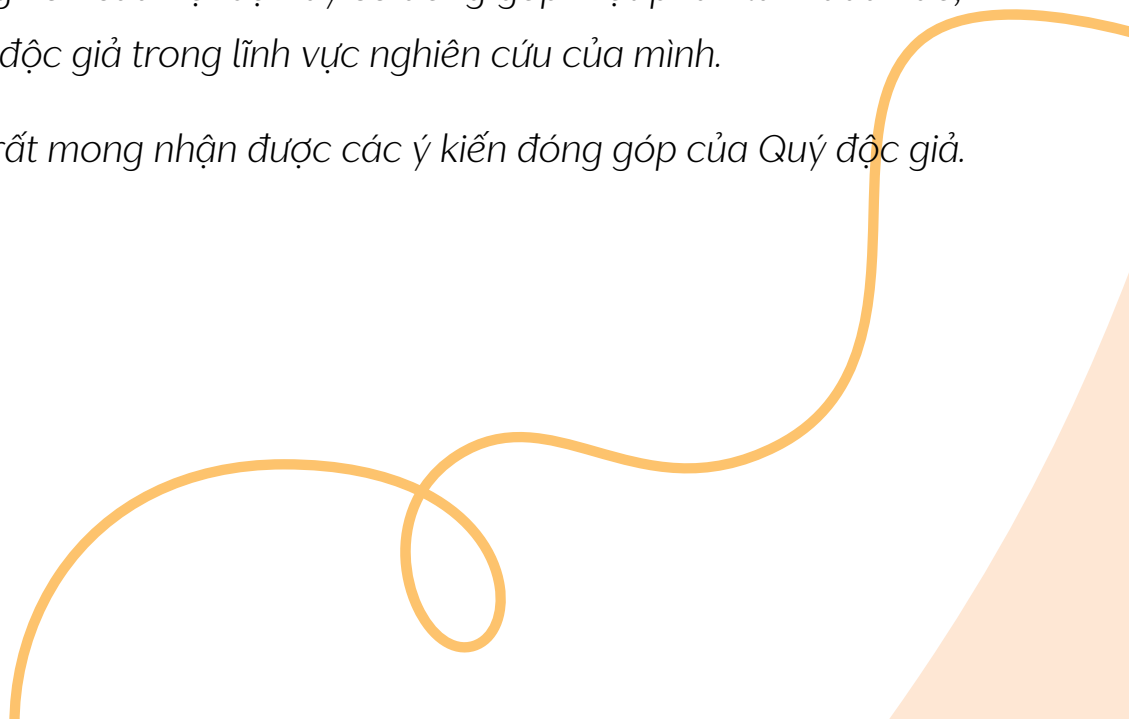
Trong giai đoạn phát triển mới, Gia Lai đặt mục tiêu đến năm 2030 trở thành vùng động lực khu vực Tây Nguyên.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.52 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!



Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng



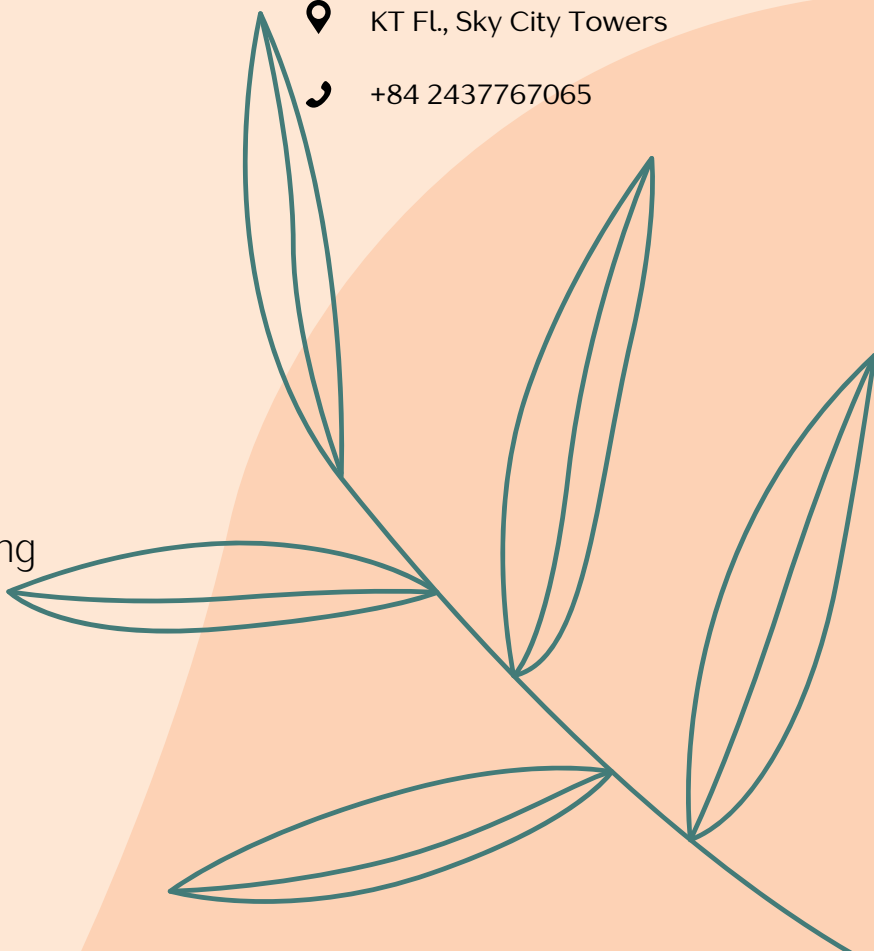
PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

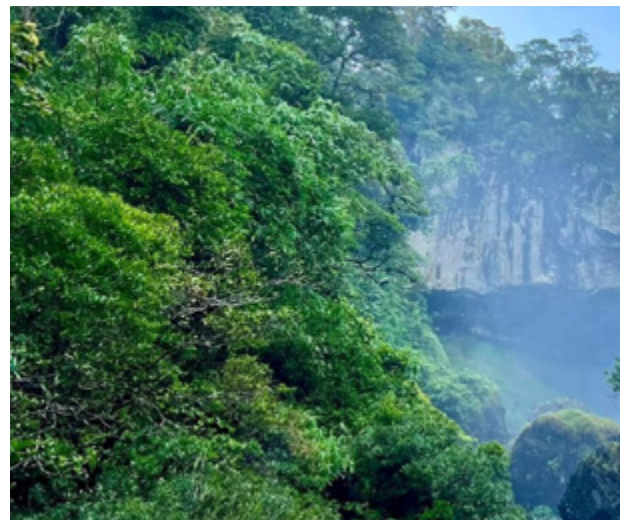
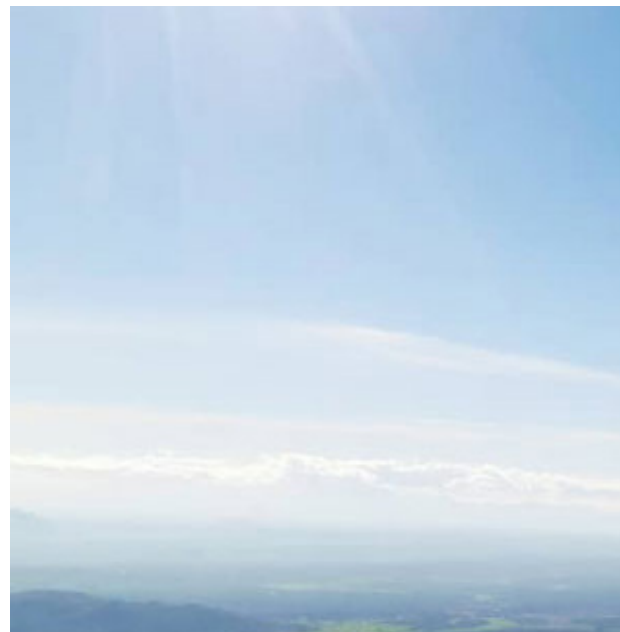
Wan Tuan
Ho Wan Tuan

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065





6. Tỉnh Gia Lai
10. TP. Pleiku
14. TX. An Khê
16. TX. Ayun Pa
18. Huyện Chư Păh
20. Huyện Chư Prông
22. Huyện Chư Pưh
24. Huyện Chư Sê
26. Huyện Đăk Đoa
28. Huyện Đăk Pơ
30. Huyện Đức Cơ





34. Huyện Ia Gria

36. Huyện Ia Pa

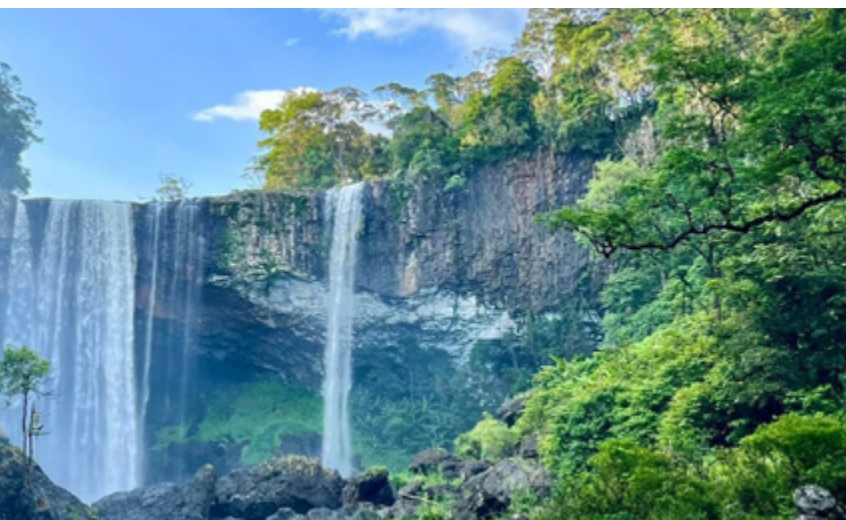
38. Huyện Kbang

42. Huyện Kông chro

44. Huyện Krông Pa

46. Huyện Mang Yang

48. Huyện Phú Thiện



TỈNH GIA LAI



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Gia Lai là một tỉnh vùng cao nằm ở phía bắc Tây Nguyên. Tỉnh Gia Lai trải dài từ 12°58'20" đến 14°36'30" vĩ bắc, từ 107°27'23" đến 108°54'40" kinh đông.

Phía đông bắc giáp 1 chút với Quảng Ngãi.

Phía đông giáp với tỉnh Bình Định.

Phía đông nam giáp với Phú Yên.

Phía tây giáp tỉnh Ratanakiri thuộc Campuchia.

Phía nam giáp tỉnh Đắk Lắk.

Phía bắc của tỉnh giáp tỉnh Kon Tum.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.529.529 km²

Dân số trung bình: 15.565,02 người.

Mật độ: 2778 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Gia Lai có 17 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 1 thành phố, 2 thị xã và 14 huyện, với 220 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 24 phường, 14 thị trấn và 182 xã.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

GIA LAI

Tiếp tục phát triển kinh tế-xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế thị trường. Phát triển nhanh các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông-lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; phát triển khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng năng lực đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, các nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện tốt chủ trương, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Giữ vững quốc phòng-an ninh. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; năng động, sáng tạo. Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực để xây dựng Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc, phấn đấu đến năm 2030 trở thành vùng động lực khu vực Tây Nguyên.

KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP): Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng bình quân hàng năm 8,6% trở lên; GRDP theo giá hiện hành đến năm 2025 đạt 131.702 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 79,5 triệu đồng/người/năm;
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: nông-lâm nghiệp-thủy sản 29,89%; công nghiệp-xây dựng 31,22%; dịch vụ 35,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 3,49%;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hàng năm 12,89%.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 9% đến 10%.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 7,94%, kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm 5,92%.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 35%.

XÃ HỘI

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 0,8% trở lên (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020).
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 đạt 120 xã trở lên.
- Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 10 địa phương.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm đạt 1,1%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 95%; số bác sĩ/vận dân đạt 9 bác sĩ.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 68%.
- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp THCS đến năm 2025 đạt 97%.





MÔI TRƯỜNG

- Diện tích rừng trồng mới 40.000 ha.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 47,75%.
- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98%.

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 80% trở lên.
- Tỷ lệ kết nạp đảng viên hàng năm đạt 3% trở lên so với đầu nhiệm kỳ (tương đương 1.800 đảng viên trở lên/năm và 9.000 đảng viên trở lên/nhiệm kỳ).

THÀNH PHỐ PLEIKU

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

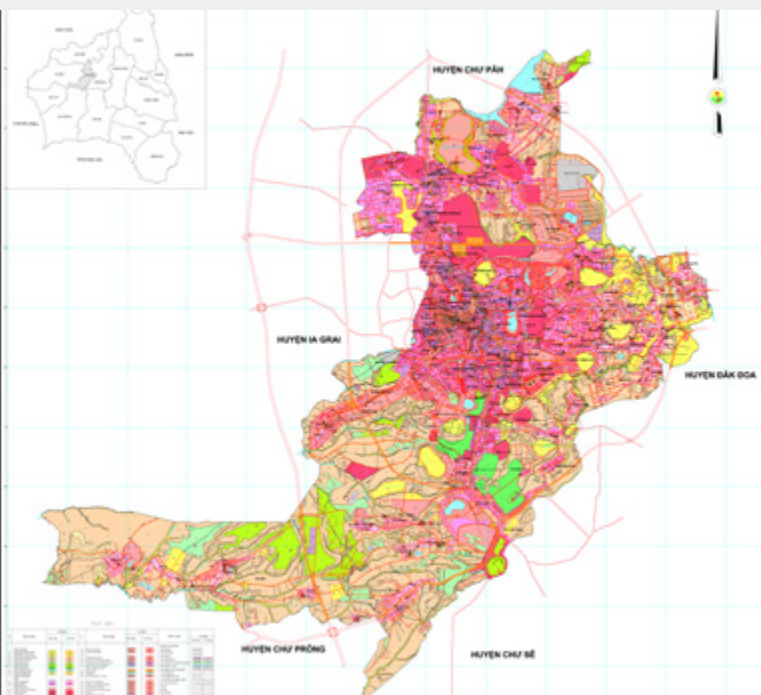
Thành phố Pleiku nằm ở trung tâm tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Đak Đoa

Phía tây giáp huyện Ia Grai

Phía nam giáp huyện Chư Prông

Phía bắc giáp huyện Chư Păh.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 260,77 km²

Dân số trung bình: 254.802 người.

Mật độ: 977 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Pleiku được chia thành 22 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 14 phường: Chi Lăng, Diên Hồng, Đồng Đa, Hoa Lư, Hội Phú, Hội Thương, Ia Kring, Phù Đồng, Tây Sơn, Thắng Lợi, Thống Nhất, Trà Bá, Yên Đỗ, Yên Thế và 8 xã: An Phú, Biển Hồ, Chư Á, Diên Phú, Gào, Ia Kênh, Tân Sơn, Trà Đa.



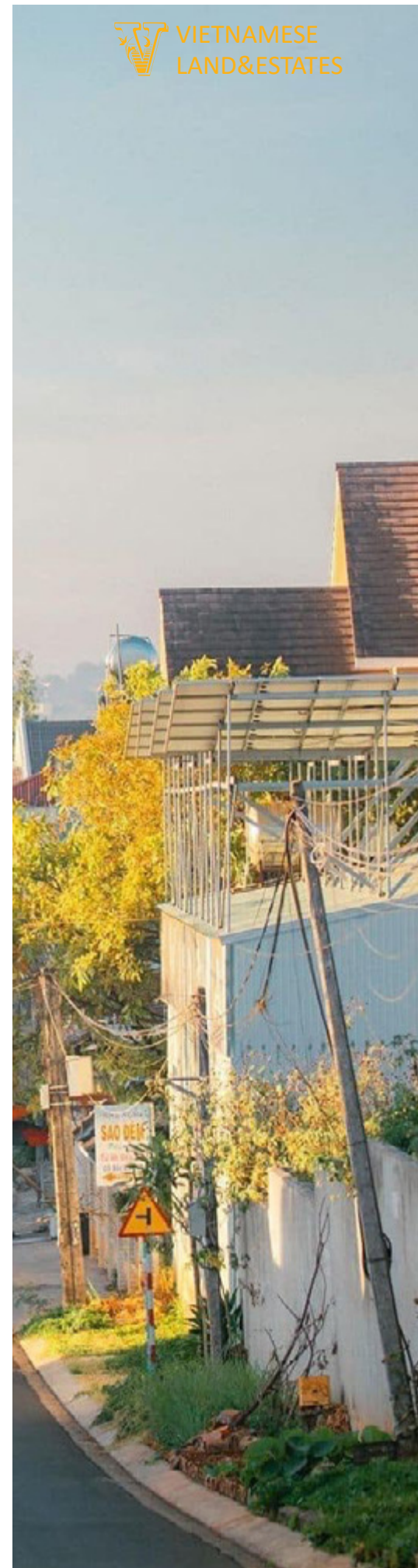
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

Tiếp tục khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh để thu hút đầu tư, huy động hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn, phát triển thành phố Pleiku theo quy hoạch; ưu tiên phát triển thương mại, dịch vụ du lịch, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân; giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy; nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.



1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 05 năm (theo giá cố định năm 2010) từ 10,16% trở lên.
2. Cơ cấu giá trị sản xuất (theo giá hiện hành):
 - Thương mại - dịch vụ chiếm 56,4%.
 - Công nghiệp - xây dựng chiếm 40,4%.
 - Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 3,2%.
3. Thu ngân sách Nhà nước theo phân cấp tăng bình quân 05 năm từ 10% trở lên.
4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 05 năm từ 12,55% trở lên; đến năm 2025 đạt từ 14.500 tỷ đồng trở lên.
5. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 8 xã; trong đó, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu từ 03 xã trở lên.

6. Tỷ lệ làng đạt chuẩn nông thôn mới từ 30% trở lên.
7. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,07%.
8. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế từ 95% trở lên.
9. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020) dưới 0,5%.
10. Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) từ 150 triệu đồng/năm trở lên.
11. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 75% trở lên.
12. Tỷ lệ huy động trẻ em 05 tuổi ra lớp ở bậc mầm non và trẻ em trong độ tuổi đến lớp ở bậc phổ thông hằng năm đạt 100%.
13. Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa hằng năm từ 92% trở lên; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt văn hóa hằng năm từ 95% trở lên.
14. Xây dựng lực lượng, huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng -an ninh, giao quân hằng năm đạt 100%.
15. Xã, phường đạt chuẩn về an ninh trật tự hằng năm từ 90% trở lên.
16. Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm hiếm 20%; không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.
17. Kết nạp đảng viên mới trong nhiệm kỳ từ 600 đảng viên trở lên.
18. Chi bộ thôn, làng, tổ dân phố có cấp ủy từ 90% trở lên; có đủ số lượng đảng viên là người tại chỗ đạt 100%.
19. Trưởng các ban, ngành, đoàn thể thành phố có trình độ lý luận chính trị cao cấp và chuyên môn từ đại học trở lên đạt 100%; cán bộ chuyên trách xã, phường có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên đạt 100% và trình độ chuyên môn đại học từ 80% trở lên.
20. Tổ chức cơ sở đảng được kiểm tra, giám sát hằng năm từ 10% trở lên



THỊ XÃ AN KHÊ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã An Khê nằm ở phía đông tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định

Phía tây và phía nam giáp huyện Đak Pơ

Phía bắc giáp huyện Kbang và huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 200,65 km²

Dân số trung bình: 81.600 người.

Mật độ: 407 người/km²

ĐƠN VỊ ĐỊA LÝ

Thị xã An Khê có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 6 phường: An Bình, An Phú, An Phước, An Tân, Ngô Mỹ, Tây Sơn và 5 xã: Cửu An, Song An, Thành An, Tú An, Xuân An.



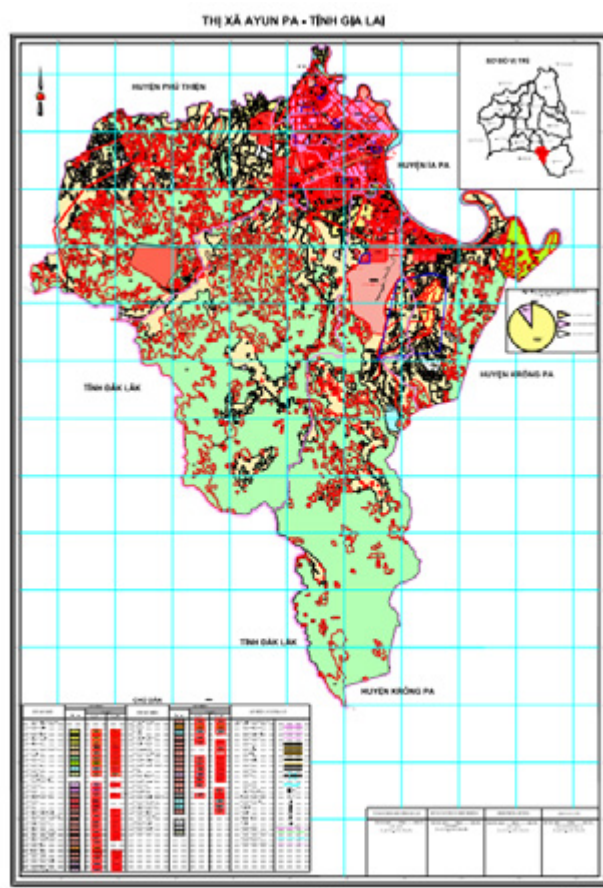
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030



- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) bình quân 5 năm đạt 12,5%.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 12% trở lên.
- Tổng thu cân đối ngân sách thị xã tăng bình quân hàng năm từ 7% trở lên.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân giai đoạn 2020-2025 từ 17% trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng/người/năm.
- Phấn đấu đạt chuẩn đô thị loại III.
- Đến năm 2025, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 1,5%, tỷ lệ hộ cận nghèo dưới 3% (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều).
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 80% trở lên.
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 80% trở lên.
- Tỷ lệ kết nạp đảng viên hàng năm đạt 3% trở lên (tương đương 370 đảng viên/nhiệm kỳ).

THỊ XÃ AYUN PA



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Ayun Pa nằm ở phía đông nam tỉnh Gia Lai, cách thành phố Pleiku 97 km về phía đông nam và có vị trí địa lý:

Phía đông giáp các huyện Ia Pa và Krông Pa

Phía tây giáp huyện Phú Thiện

Phía nam giáp huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk

Phía bắc giáp các huyện Phú Thiện và huyện Ia Pa.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 287 km²

Dân số trung bình: 39.936 người.

Mật độ: 139 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Ayun Pa có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 4 phường: Cheo Reo, Đoàn Kết, Hòa Bình, Sông Bờ và 4 xã: Chư Băh, Ia R'Boh, Ia R'tô, Ia Sao.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 5 năm 8,32%.
- Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 100%.
- 100% xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.
- Tỷ lệ kết nạp đảng viên hàng năm 3% trở lên trên tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ,...

CHƯ PĂH

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Chư Păh có vị trí địa lý:

Phía tây và phía tây bắc giáp 2 huyện: Sa Thầy và Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

Phía bắc giáp thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Phía đông bắc giáp huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum

Phía đông giáp huyện Đak Đoa

Phía nam giáp thành phố Pleiku và huyện Ia Grai.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

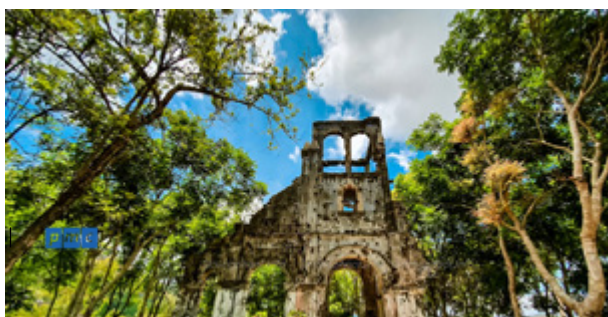
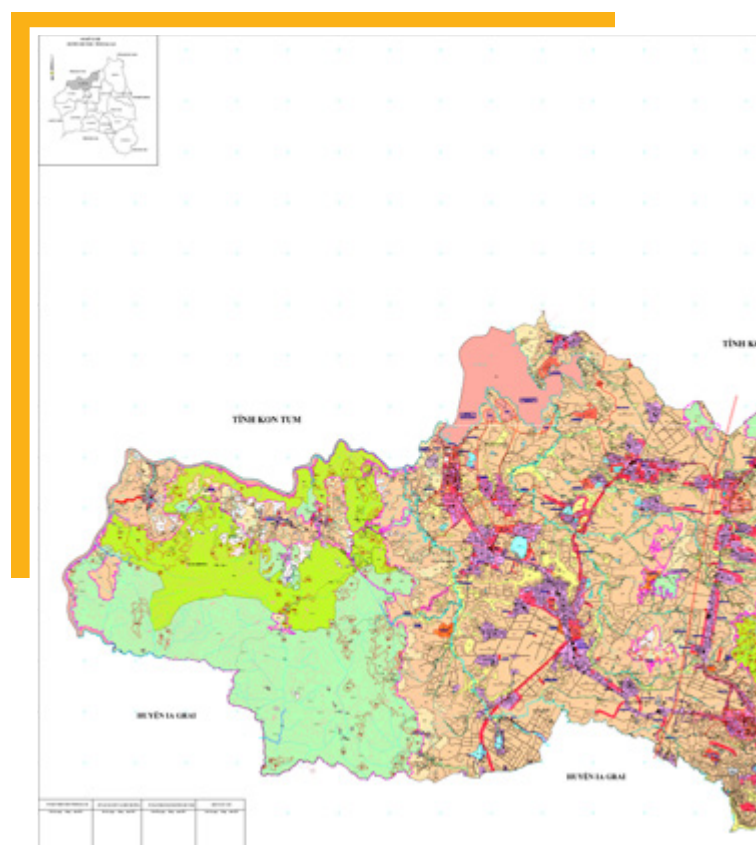
Diện tích: 974,5 km²

Dân số trung bình: 77.299 người.

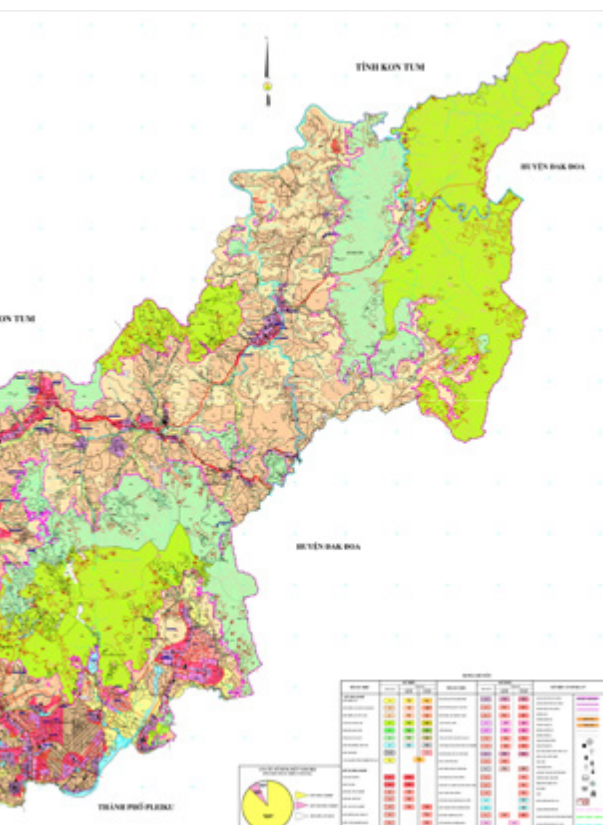
Mật độ: 79 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Chư Păh có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Phú Hòa (huyện lỵ), Ia Ly và 12 xã: Chư Đang Ya, Đăk Tơ Ver, Hà Tây, Hòa Phú, Ia Ka, Ia Khươl, Ia Kreng, Ia Mơ Nông, Ia Nhin, Ia Phí, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng.



GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030



- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 5 năm (theo giá năm 2010 đạt 10%).
- Cơ cấu ngành kinh tế: tỷ trọng nông-lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng, thương mại-dịch vụ tương ứng năm 2025 là 38%, 36,5% và 25,5%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 55 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách huyện theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 ước đạt 167 tỷ đồng.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn dưới 2%; 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 40% lao động qua đào tạo nghề; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 97%.
- Diện tích trồng rừng bình quân hàng năm là 280 ha; tỷ lệ che phủ của rừng là 39,5%; tỷ lệ xã được thu gom rác thải đạt 70%.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 80%; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 80%...

TỶ LỆ : 1/50.000



Phía bắc giáp thành phố Pleiku và các huyện Đak Đoa, Đức Cơ và Ia Grai.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.685,5 km²

Dân số trung bình: 123.555 người.

Mật độ: 73 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Chư Prông có 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Chư Prông (huyện lỵ) và 19 xã: Bàu Cạn, Bình Giáo, Ia Bang, Ia Băng, Ia Boòng, Ia Drăng, Ia Ga, Ia Kly, Ia Lâu, Ia Me, Ia Mơ, Ia O, Ia Phìn, Ia Pia, Ia Piơ, Ia Púch, Ia Tôr, Ia Vê, Thăng Hưng.



CHƯ PƯƠ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Chư Pư nằm ở phía nam tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp các huyện Chư Sê và Phú Thiện

Phía tây giáp huyện Chư Prông

Phía nam giáp huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

Phía bắc giáp huyện Chư Sê.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 718,05 km²

Dân số trung bình: 77.511 người.

Mật độ: 108 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Chư Pư có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Nơn Hòa (huyện lỵ) và 8 xã: Chư Don, Ia Blứ, Ia Dreng, Ia Hla, Ia Hrú, Ia Le, Ia Phang, Ia Rong.





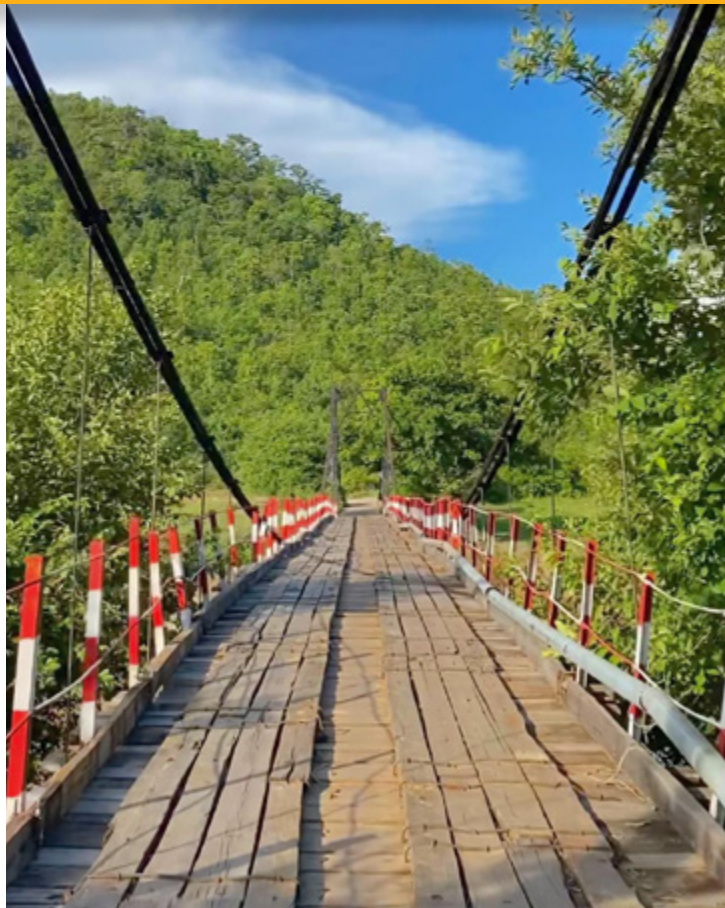
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025,
TẦM NHÌN 2030**



- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 5 năm (theo giá năm 2010 đạt 10%).
- cơ cấu ngành kinh tế: tỷ trọng nông-lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng, thương mại-dịch vụ tương ứng năm 2025 là 38%, 36,5% và 25,5%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 55 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách huyện theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 ước đạt 167 tỷ đồng.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 giảm còn dưới 2%; 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 40% lao động qua đào tạo nghề; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 97%.
- Diện tích trồng rừng bình quân hàng năm là 280 ha; tỷ lệ che phủ của rừng là 39,5%; tỷ lệ xã được thu gom rác thải đạt 70%.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 80%; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trên 80%...

CHƯ SÊ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Chư Sê nằm ở phía nam tỉnh Gia Lai có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Đak Đoa.

Phía Nam giáp huyện Chư Pưh.

Phía Đông giáp huyện Mang Yang.

Phía Tây giáp huyện Chư Prông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

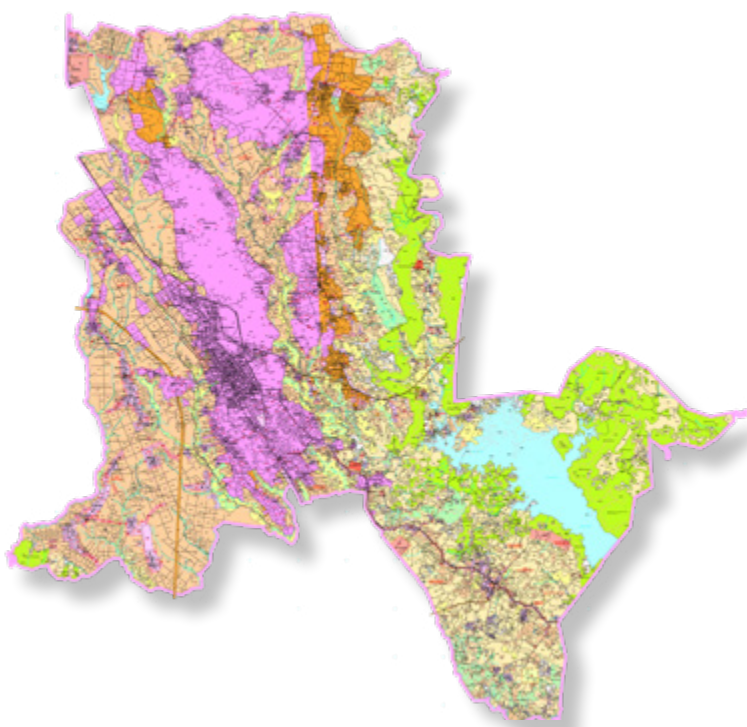
Diện tích: 643 km².

Dân số trung bình: 121.965 người.

Mật độ: 190 người/km².

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

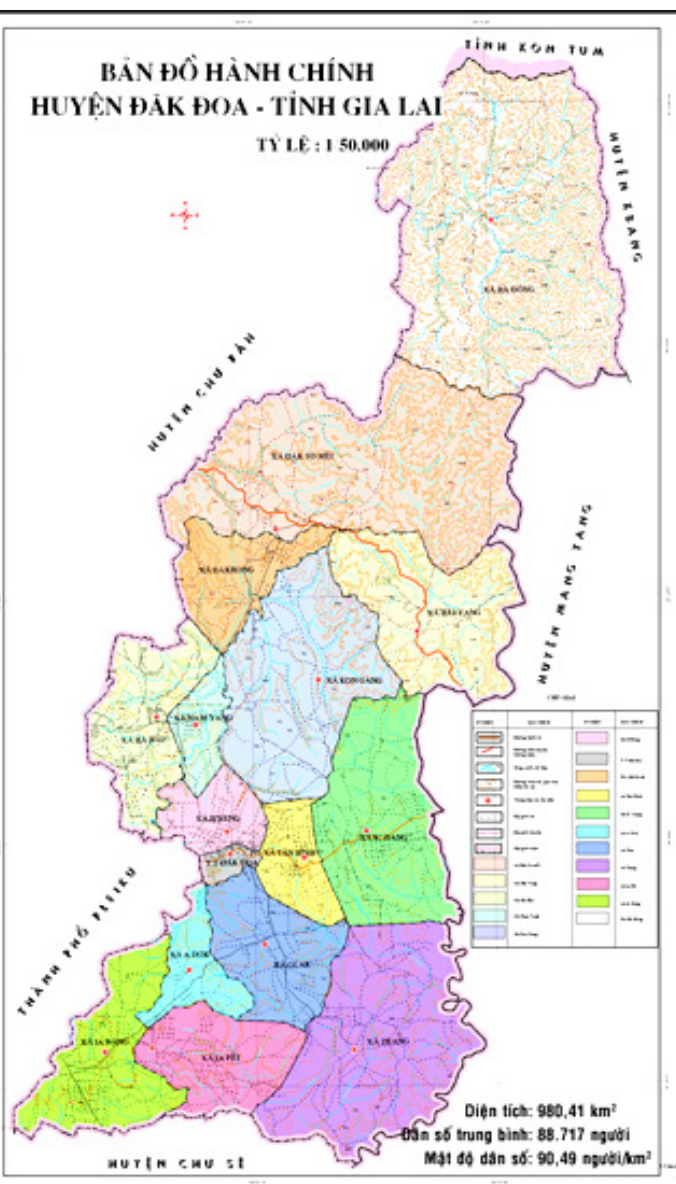
Huyện Chư Sê có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Chư Sê (huyện lỵ) và 14 xã: Al Bá, Ayun, Bar Măih, Bờ Ngoong, Chư Pơng, Dun, Hbông, Ia Blang, Ia Glai, Ia Hlốp, Ia Ko, Ia Pal, Ia Tiêm, Kông Htok.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GAİ ĐOẠN 2021 - 2025,
TẦM NHÌN 2030**

- Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) đến năm 2025 đạt 18.081 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 9,6%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85,15 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đạt 1.476 tỷ đồng.
- Đến năm 2025 huyện cơ bản xóa nghèo; có 1 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu, 8 xã đạt nông thôn mới nâng cao, phấn đấu hoàn thành huyện nông thôn mới.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 80% trở lên.
- Số lượng kết nạp đảng viên nhiệm kỳ 2020-2025 là 1.000 đảng viên (bình quân kết nạp 200 đảng viên/năm).



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đak Đoa (huyện lỵ) và 16 xã: A Dơk, Đak Krong, Đak Sơ Mei, Glar, Hà Bầu, Hà Đông, Hải Yang, Hneng, Hnol, Ia Băng, Ia Pết, Kdang, Kon Gang, Nam Yang, Tân Bình, Trang.

ĐẮK ĐOA

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đak Đoa nằm ở phía Bắc tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía Đông Bắc giáp huyện Kbang

Phía Đông và phía Đông Nam giáp huyện Mang Yang

Phía Nam giáp huyện Chư Sê

Phía Tây Nam giáp huyện Chư Prông

phía Tây Nam giáp thành phố Pleiku

Phía Tây Bắc giáp huyện Chư Păh

Phía Bắc giáp huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 990,35 km²

Dân số trung bình: 123.282 người.

Mật độ: 124 người/km²





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2020-2025 trên 10%.
- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2025, tỷ trọng ngành nông-lâm-nghiệp là 37,9%, công nghiệp-xây dựng là 25%, dịch vụ 37,1%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 là 65 triệu đồng;
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân hàng năm trên 10%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 3%.
- Huyện Đak Đoa phấn đấu có ba xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới/nhiệm kỳ, ba xã trở lên đạt chuẩn nâng cao trên cơ sở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và trên 30% số thôn, làng dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%; duy trì 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là 94%.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm trên 80%; tỷ lệ chi bộ thôn, tổ dân phố có cấp ủy là 95%.



ĐẮK PƠ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đak Pơ nằm ở phía đông tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp tỉnh Bình Định và thị xã An Khê

Phía tây giáp huyện Mang Yang

Phía nam giáp huyện Kông Chro

Phía bắc giáp huyện Kbang.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

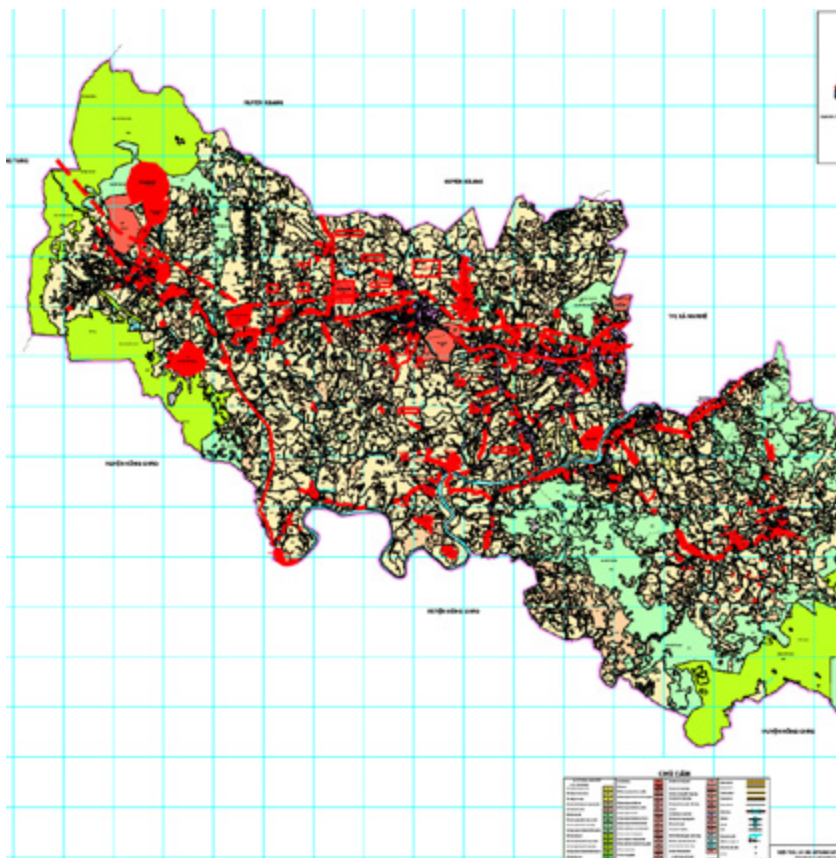
Diện tích: 502,62 km²

Dân số trung bình: 40.442 người.

Mật độ: 80 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đăk Pơ có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đak Pơ (huyện lỵ) và 7 xã: An Thành, Cư An, Hà Tam, Phú An, Tân An, Ya Hội, Yang Bắc.





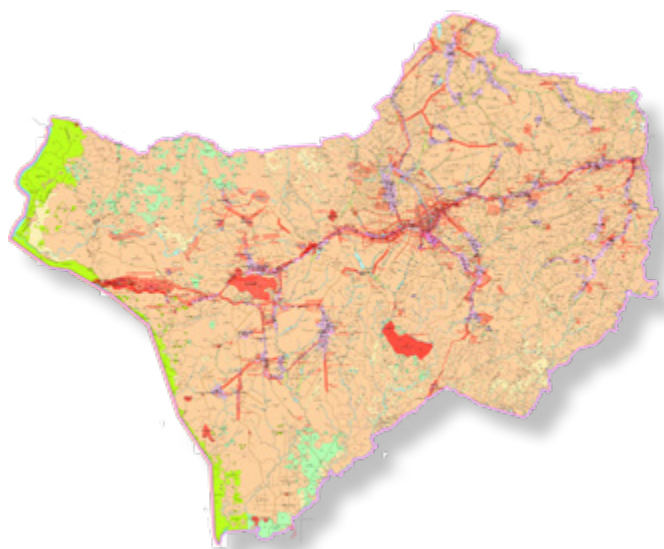
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Tổng giá trị sản xuất đạt 3.161 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng với tỷ trọng các ngành Nông-Lâm nghiệp, Thủy sản chiếm 43,3%, Công nghiệp-Xây dựng chiếm 38,5%, Thương mại-Dịch vụ chiếm 18,2%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 1.000 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 50 triệu đồng/người/năm. Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 7% trở lên. Tổng diện tích gieo trồng đạt 23.180 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,5%.
- Phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 6 làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số; có 3 sản phẩm OCOP. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,18%; 69,57% trường học đạt chuẩn quốc gia; 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Số bác sĩ/vận dân đạt 5 bác sĩ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 2,27%. 1.900 lao động được tạo việc làm; tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 48%. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,83%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,18%.
- Ngoài ra, 100% xã đạt chuẩn về an ninh trật tự; giao quân hàng năm đạt 100%. Tỷ lệ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ/dân số đạt 1,75%; 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng-an ninh. 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 80% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; tỷ lệ kết nạp đảng viên hàng năm 3% trở lên so với tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ.





ĐỨC CƠ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đức Cơ có vị trí địa lý:

Phía bắc giáp: huyện Ia Grai.

Phía nam giáp: huyện Chư Prông.

Phía đông giáp: huyện Chư Prông.

Phía tây giáp: Cam Pu Chia.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 724,28 km²

Dân số trung bình: 75.718 người.

Mật độ: 105 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đức Cơ có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Chư Ty (huyện lỵ) và 9 xã: Ia Din, Ia Dơk, Ia Dom, Ia Kla, Ia Krêl, Ia Kriêng, Ia Lang, Ia Nan, Ia Phôn.

KINH TẾ

- Toàn huyện phấn đấu đến năm 2025, tổng giá trị sản xuất đạt 6.420 tỷ đồng, trong đó, Nông, lâm thủy sản chiếm 42%; Công nghiệp – xây dựng chiếm 19,4%; Thương mại – dịch vụ chiếm 38,6%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân hàng năm đạt 780 tỷ đồng.
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách trên địa bàn bình quân hàng năm từ 6-8%.

QUỐC PHÒNG – AN NINH

- Giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tình giao.
- Đến năm 2025, phấn đấu đưa 3/7 xã, thị trấn ra khỏi diện trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.





VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1,2%; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm 1,44%.
- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp THCS 90-92%.
- Đến năm 2025, có 31 trường đạt chuẩn quốc gia; Tỷ lệ lao động quan đào tạo trên 50%.
- Có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới, mỗi xã có từ 1-2 làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS.
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%; Phấn đấu có 07 bác sỹ/vận dân; Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 16,5%; Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế duy trì 100%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 98%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải đô thị đạt 96%.
- Diện tích rừng trồng mới bình quân hàng năm 50 ha, tỷ lệ che phủ đạt 47,65%.

IA GRAI

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Ia Grai có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Chư Păh.

Phía Đông giáp thành phố Pleiku.

Phía Đông Nam giáp huyện giáp huyện Chư Prông.

Phía Nam giáp huyện Đức Cơ.

Phía Tây Bắc giáp huyện Ia H'Drai và tỉnh Kon Tum.

Phía Tây giáp huyện Andoung Meas tỉnh Ratanakiri Campuchia



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.157,3 km²

Dân số trung bình: 105.664 người.

Mật độ: 91 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Ia Grai có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Ia Kha (huyện lỵ) và 12 xã: Ia Bă, Ia Chia, Ia Dêr, Ia Grăng, Ia Hrun, Ia Khai, Ia Krai, Ia O, Ia Pếch, Ia Sao, Ia Tô, Ia Yok.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 11,1% trở lên; trong đó: nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,6%; công nghiệp - xây dựng tăng 13,3%, dịch vụ tăng 14,1%.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 55, triệu đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn huyện tăng trung bình 14%/ năm, đến năm 2025 đạt 120 tỷ đồng.
- Đến năm 2025 có 10 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, 1 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới đến năm 2025 là 1,14%.
- Kết nạp đảng viên mới 4,5% so với đảng viên đầu nhiệm kỳ.
- Tổ chức cơ sở đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 80%.

IA PA



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Ia Pa là một huyện nằm ở phía đông nam tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía bắc giáp huyện Chư Sê, Mang Yang, Kông Chro

Phía nam giáp huyện Krông Pa

Phía đông giáp huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên

Phía tây giáp huyện Phú Thiện và thị xã Ayun Pa.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

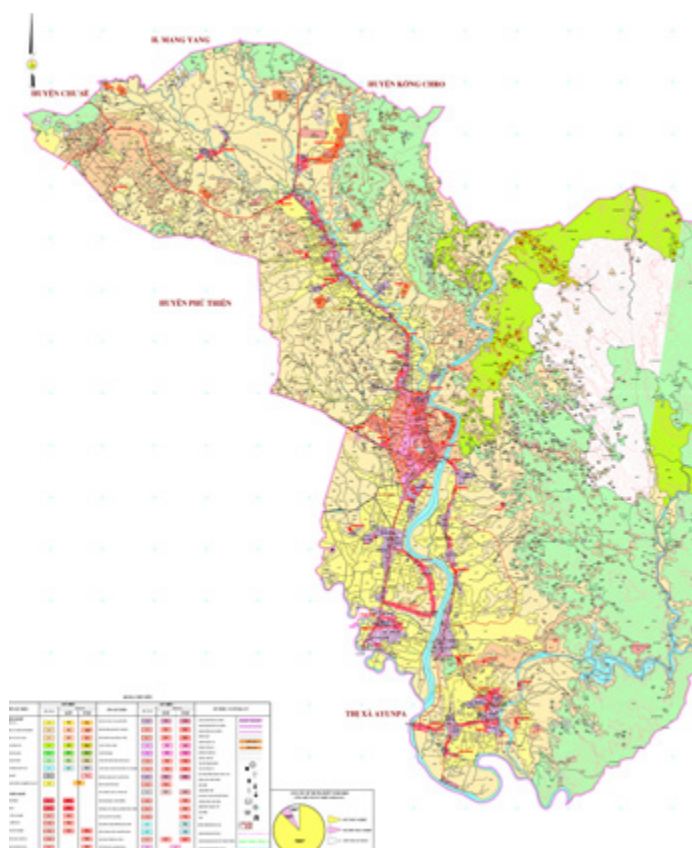
Diện tích: 870,90 km²

Dân số trung bình: 56.596 người.

Mật độ: 65 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Ia Pa có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 xã: Chư Mố, Chư Răng, Ia Broăi, Ia Kdăm, Ia Mơn, Ia Trok, Ia Tul, Kim Tân (huyện lỵ) và Pờ Tó.



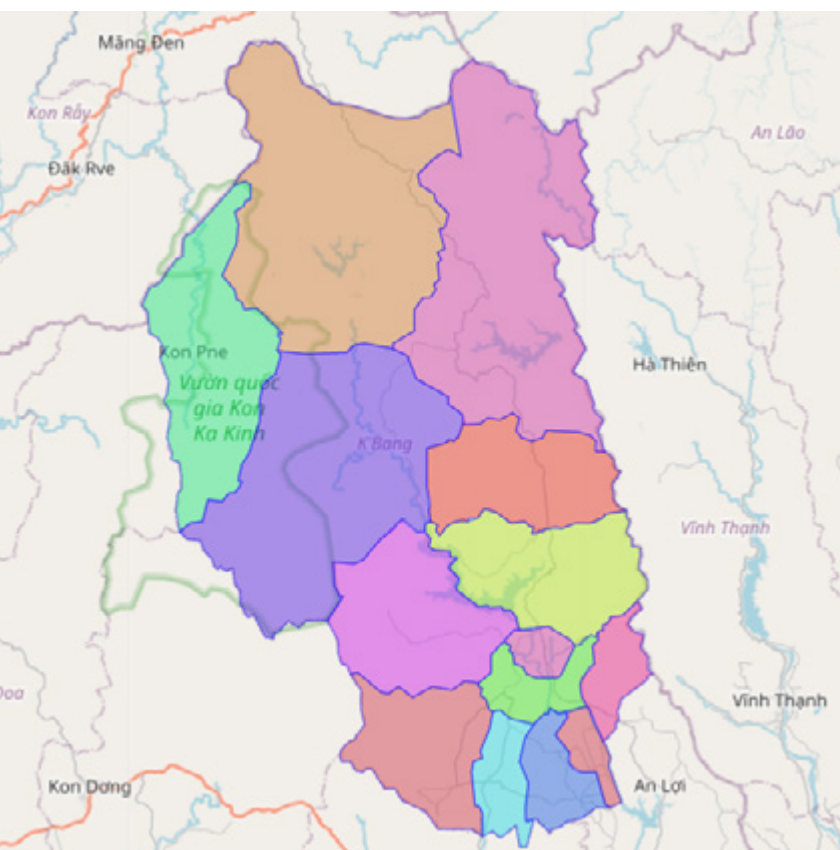


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030



- Tốc độ gia tăng giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt 11-12%.
- Giá trị sản xuất đến cuối năm 2025 đạt 8.051,706 tỷ đồng.
- Cơ cấu kinh tế đến cuối năm 2025: Nông - lâm nghiệp - thủy sản 50,2%; công nghiệp - xây dựng 28,34%; thương mại - dịch vụ 21,46%.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 11-12%; thu nhập bình quân đầu người đến cuối năm 2025 đạt 50 triệu đồng.
- Diện tích rừng trồng mới hàng năm 250 ha; tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2025 đạt 56,3%.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến cuối năm 2025 là 5/9 xã; tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 dưới 3%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối năm 2025 là 50%.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ 80%; tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hàng năm 4%; Đảng bộ huyện xếp loại hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

KBANG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Kbang nằm ở phía đông bắc tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía tây giáp các huyện Đak Đoa, Mang Yang

Phía nam giáp huyện Đak Pơ và thị xã An Khê

Phía bắc giáp tỉnh Kon Tum

Phía đông giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.850,3 km²

Dân số trung bình: 65.437 người.

Mật độ: 35 người/km²



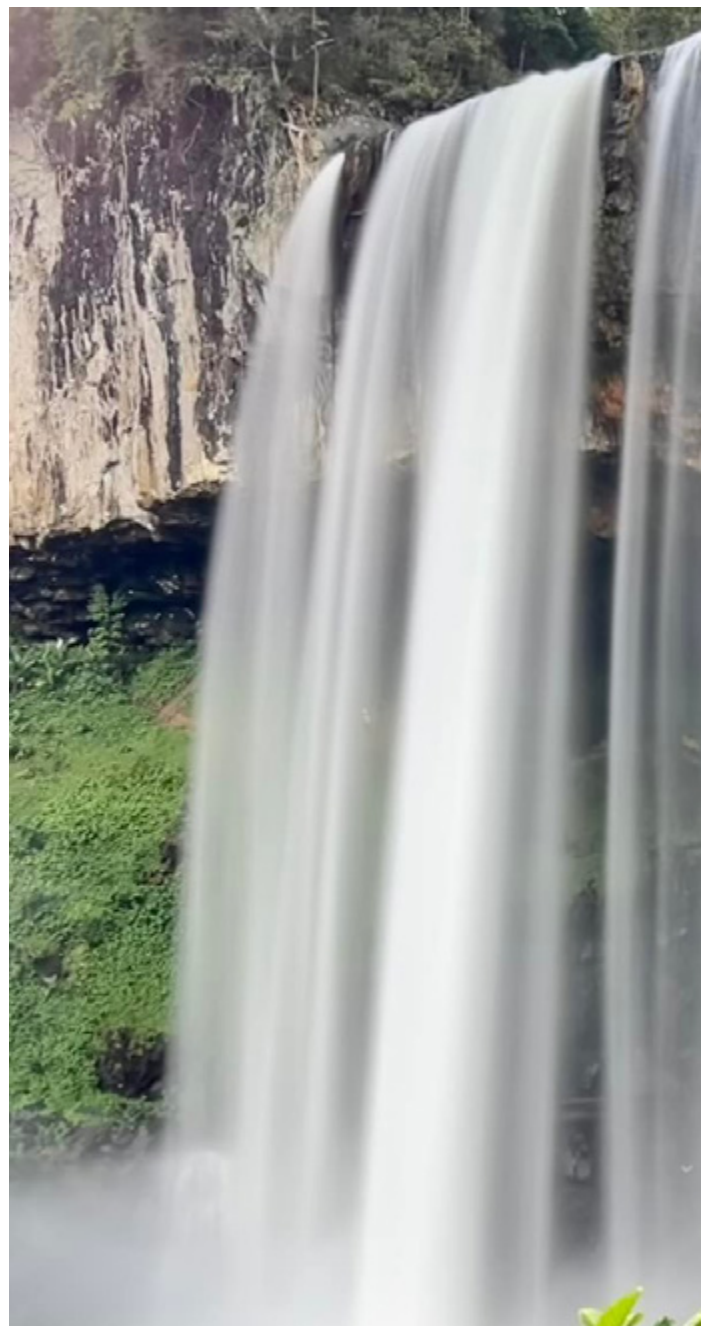


ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

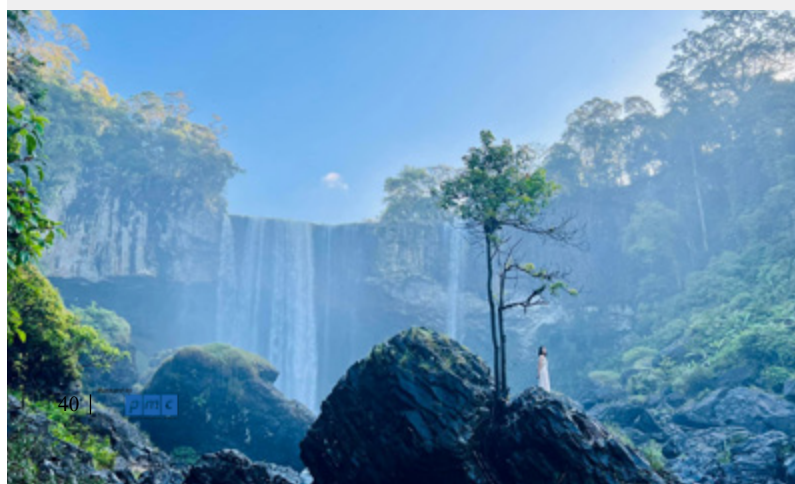
Huyện Kbang có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Kbang (huyện lỵ) và 13 xã: Đăk HLơ, Đăk Rong, Đak SMar, Đông, Kon Pne, Kông Bờ La, Kông Lơng Khơng, Krong, Lơ Ku, Nghĩa An, Sơ Pai, Sơn Lang, Tơ Tung.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển. Tập trung các giải pháp thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững; đầu tư phát triển cây dược liệu. Thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị. Tiếp tục đầu tư đồng bộ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Đẩy mạnh kêu gọi thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, dịch vụ. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa - xã hội, giữa phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống nhân dân.



- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2020 - 2025: 8,05%.
- Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm nghiệp - thủy sản: 44,35%; công nghiệp - xây dựng: 27,42%; thương mại - dịch vụ: 28,23%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm: 3.200 tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn huyện tăng bình quân hằng năm: 10% trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: 47 triệu đồng/người/năm.





- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 03 xã trở lên; duy trì 13 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (theo Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/2/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân/năm: 0,4%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo/tổng số lao động trong độ tuổi lao động: 50%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 90% trở lên.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm: 1,129%.
- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 44 trường.

- Duy trì xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế: 14 xã, thị trấn; số giường bệnh/1 vạn dân: 17,3 giường.
- Trồng rừng mới: 1.000 ha; độ che phủ rừng đạt: 70,5% trở lên.
- Tỷ lệ hộ dân dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 99,5%.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ: đạt 100% chỉ tiêu, kế hoạch giao.
- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”: trên 90%.
- Chỉ số năng lực cạnh tranh và cải cách hành chính của huyện: trong топ 3 huyện đứng đầu của tỉnh.
- Hằng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”: 85% trở lên; tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 20%/tổng số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; tỷ lệ đảng viên “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”: 90% trở lên.
- Kết nạp đảng viên mới hằng năm: 140 đảng viên (tương đương tỷ lệ khoảng 4%).
- Phân loại Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện hằng năm: hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tỷ lệ tập hợp quần chúng nhân dân vào tổ chức: 85% trở lên.

KÔNG CHRO

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Krông Chro nằm ở phía đông tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía bắc giáp huyện Đak Pơ

Phía tây giáp huyện Mang Yang

Phía nam giáp huyện Ia Pa

Phía đông giáp huyện Vân Canh, Tây Sơn tỉnh Bình Định.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

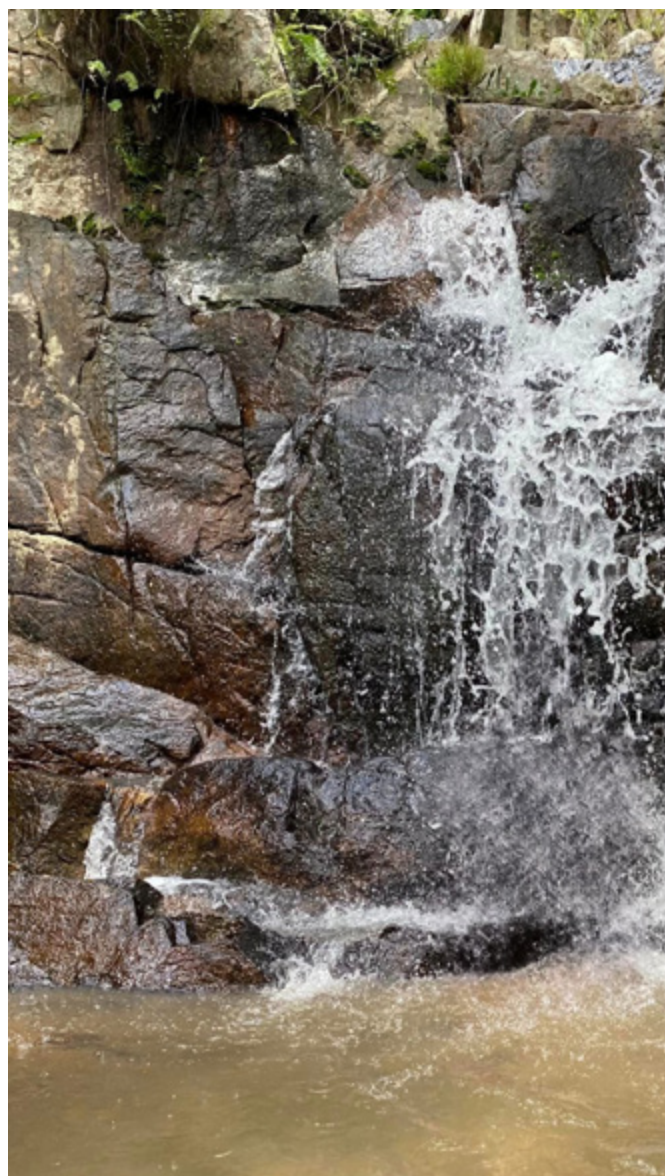
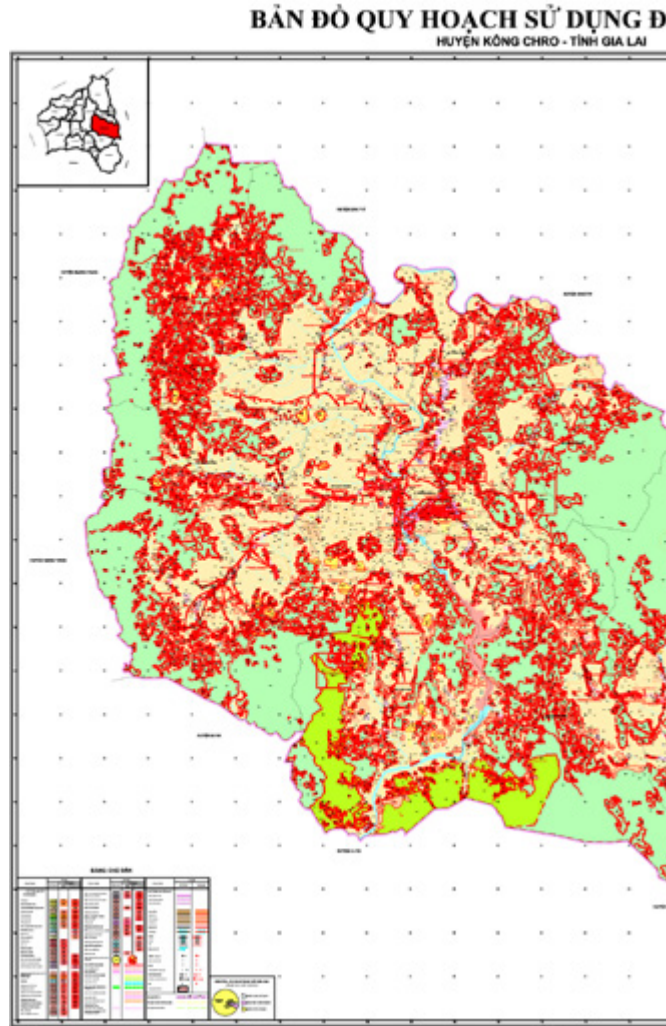
Diện tích: 1.438,2 km²

Dân số trung bình: 52.406 người.

Mật độ: 36 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Kông Chro có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Kông Chro (huyện lỵ) và 13 xã: An Trung, Chơ Long, Chư Krey, Đăk Kơ Ning, Đăk Pling, Đăk Pơ Pho, Đăk Song, Đăk Tơ Pang, Kông Yang, Sró, Ya Ma, Yang Nam, Yang Trung.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030



- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 10,5%/năm.
- Đến năm 2025, tổng giá trị sản xuất đạt 7.221 tỷ đồng.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng với tỷ trọng các ngành nông - lâm nghiệp chiếm 40,8%, công nghiệp - xây dựng chiếm 37,2%, dịch vụ chiếm 22%.
- Thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân hàng năm 10%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 41,5 triệu đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 4.600 tỷ đồng.
- Tổng đàn gia súc 68.000 con.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5%/năm.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm 1,5%.
- Có 5 xã và 26 làng đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%.
- Phấn đấu đến năm 2025 đạt 6,4 bác sĩ và 16 giường bệnh/vạn dân.
- 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; trên 97% người dân tham gia bảo hiểm y tế.
- 51,6% trường đạt chuẩn quốc gia.
- Trồng rừng sản xuất đến năm 2025 đạt 2.100 ha; độ che phủ rừng đạt 56%.
- Trên 93% dân số ở nông thôn được dùng nước sạch, hợp vệ sinh;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đến năm 2025 đạt 85%.

KRÔNG PA

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Krông Pa nằm ở phía đông nam của tỉnh Gia Lai. Huyện có vị trí địa lý:

Phía đông giáp các huyện Đồng Xuân, Sơn Hòa và Sông Hinh thuộc tỉnh Phú Yên

Phía tây giáp thị xã Ayun Pa

Phía nam giáp huyện Ea Kar và tây nam giáp huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Phía bắc giáp huyện Ia Pa.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

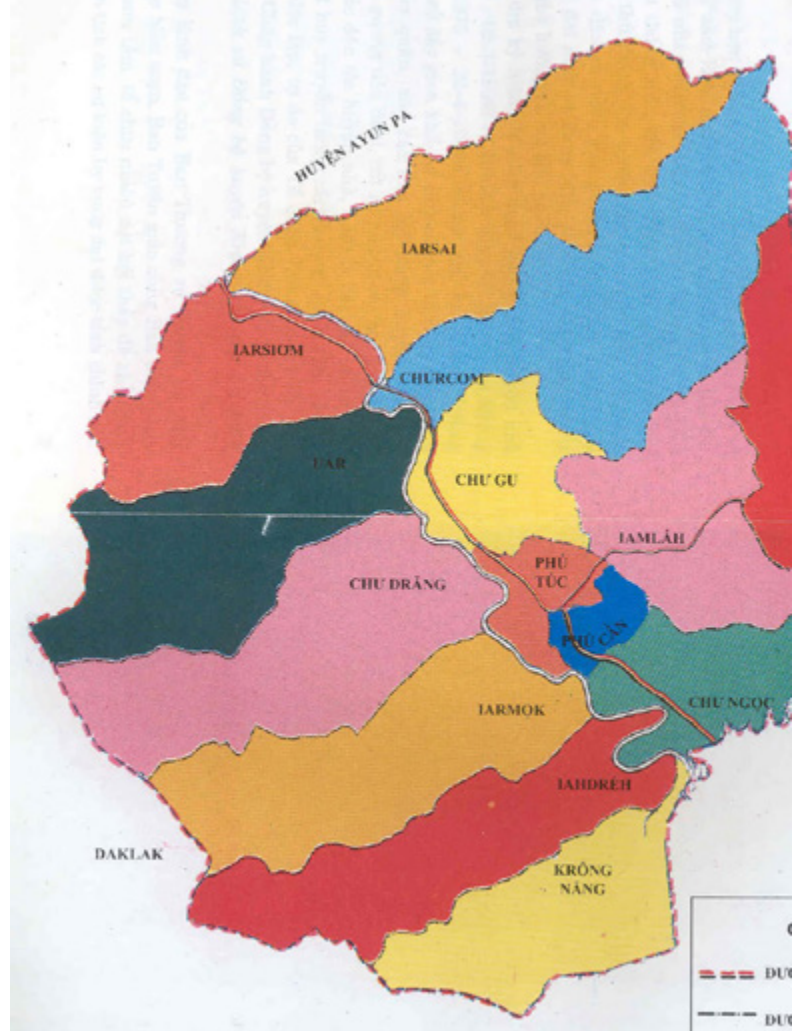
Diện tích: 1.628 km²

Dân số trung bình: 86.416 người.

Mật độ: 53 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Krông Pa có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm thị trấn Phú Túc (huyện lỵ) và 13 xã: Chư Gu, Chư Ngọc, Chư Drăng, Chư Rcăm, Đất Bằng, Ia HDreh, Ia Mlăh, Ia RMok, Ia RSai, Ia RSươm, Krông Năng, Phú Cần, Uar.





PHÚ YÊN

ĐẤT BÀNG

GHI CHÚ

HƯỚNG RANH GIỚI HUYỆN

HƯỚNG RANH GIỚI XÃ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt 11%, tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đạt 7.650 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 53,7 triệu đồng/năm.
- Thu ngân sách bình quân hàng năm tăng từ 10% trở lên.
- Toàn huyện phấn đấu nâng tổng diện tích gieo trồng và nuôi trồng thủy sản lên 46.500 ha (trong đó lúa nước 4.500 ha), tổng đàn gia súc 99.000 con (tổng đàn bò 63.000, tỷ lệ bò lai chiếm 27% tổng đàn bò).
- Trồng mới 500 ha rừng và nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 52%.



- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm từ 3,5% trở lên; nâng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 5 xã.
- Tỷ lệ học sinh THCS đi học đúng độ tuổi đạt 93%, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 70%.
- Phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45,6%
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,42%.
- Đến năm 2020, toàn huyện có 13 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, phấn đấu đạt 5 bác sĩ/vạn dân.
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh đạt 93% (trong đó, tỷ lệ hộ dân ở đô thị sử dụng nước sạch đạt 97%, tỷ lệ hộ dân ở nông thôn sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh đạt 91,6%)

MANG YANG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Mang Yang nằm ở trung tâm tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp ba huyện Kbang, Đak Pơ và Kông Chro

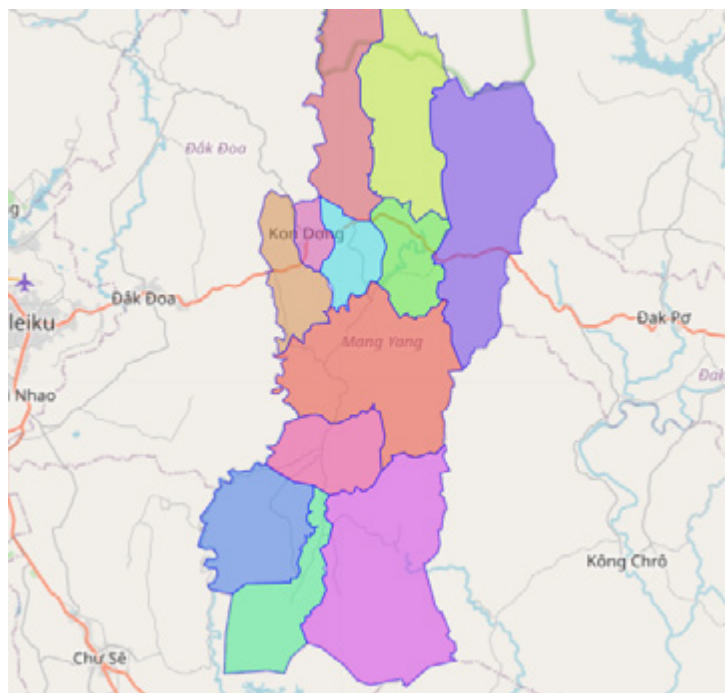
Phía tây giáp huyện Đak Đoa và huyện Chư Sê

Phía nam giáp huyện Chư Sê và huyện Ia Pa

Phía bắc giáp huyện Đak Đoa và huyện Kbang.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mang Yang có 12 đơn vị hành chính cấp xã gồm trực thuộc, bao gồm thị trấn Kon Dong (huyện lỵ) và 11 xã: Ayun, Đăk Drjăng, Đăk Jơ Ta, Đak Ta Ley, Đăk Trôi, Đăk Ya, Đê Ar, Hra, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.127,8 km²

Dân số trung bình: 68.273 người.

Mật độ: 61 người/km²



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Phấn đấu trong nhiệm kỳ này, tốc độ tăng giá trị sản xuất toàn huyện đạt bình quân 12,11%/năm; cơ cấu kinh tế: nông lâm nghiệp thủy sản 34,02%, công nghiệp xây dựng 38,67%, dịch vụ 27,31%; thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân 10%/năm; thu nhập bình quân đầu người đạt 56 triệu đồng; đến năm 2025, toàn huyện có 6 xã đạt chuẩn Nông thôn mới và giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5%.



Phú Thiện

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện nằm ở phía Nam tỉnh Gia Lai, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Ia Pa

Phía tây giáp huyện Chư Pưh

Phía nam giáp huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và thị xã Ayun Pa

Phía bắc và tây bắc giáp huyện Chư Sê.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

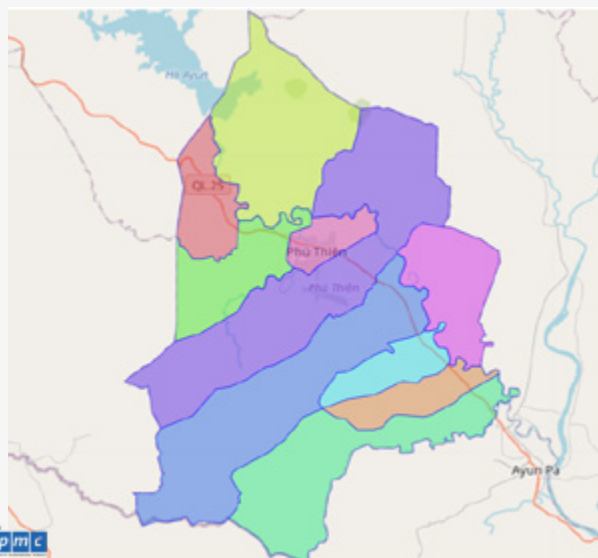
Diện tích: 505,8 km²

Dân số trung bình: 78.627 người.

Mật độ: 155 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Phú Thiện có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Phú Thiện (huyện lỵ) và 9 xã: Ayun Hạ, Chrôh Pơnan, Chư A Thai, Ia Ake, Ia Hiao, Ia Piar, Ia Peng, Ia Sol, Ia Yeng.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022



KINH TẾ

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010): 11,07% trở lên.
- Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông - lâm nghiệp, thủy sản: 43,35%; Công nghiệp - Xây dựng: 22,38 %; Thương mại - Dịch vụ: 34,27%.
- Tổng mức đầu tư phát triển toàn xã hội: 842,3 tỷ đồng.
- Tổng thu ngân sách trên địa bản: 35,990 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN (giá so sánh 2010): 189,64 tỷ đồng.
- Tổng diện tích gieo trồng cả năm: 29.484,54 ha.
- Tổng sản lượng lương thực quy thóc: 104.777,23 tấn.
- Xây dựng cánh đồng lớn đối với các loại cây trồng: Lúa một giống: 1.200 ha/01 vụ sản xuất; Mía: 30 ha.
- Thu nhập bình quân người/năm: 39 triệu đồng.
- Duy trì diện tích rau: 15 ha.



XÃ HỘI

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,43%.
- Thành lập Doanh nghiệp mới: 15 Doanh nghiệp.
- Thành lập mới HTX: 01 HTX.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 01 xã (lũy kế đạt 06 xã).
- Làng NTM theo Chỉ thị 12 của BTV Tỉnh ủy: 07 làng (lũy kế đạt 20 làng).
- Số lao động được giải quyết việc làm: 2.850 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025): 7,14%.
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025): 2%.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: 38,5%.
- Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo: 77%; tỷ lệ học sinh tiểu học đi học
- đúng độ tuổi: 93,5%; tỷ lệ học sinh THCS đi học đúng độ tuổi: 83%.
- Tỷ lệ học sinh bỏ học so với học sinh toàn ngành: <0,4%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế: 100%.
- Số bác sĩ/vận dân: 3,3 bác sĩ.
- Tỷ lệ Trạm y tế có bác sĩ: 100%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 75%.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi ở trẻ em dưới 5 tuổi: 19%.

MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng: 21,06%.
- Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh: 96%.
- Diện tích trồng rừng: 25ha.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 72%.

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Gia Lai Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Gia Lai

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai
lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bit.ly/3DsEUEi>

Thành phố Pleiku

Đại hội Đảng bộ thành phố Pleiku
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bit.ly/3DtLk6e>

Thị xã An Khê

Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã An Khê
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bit.ly/3zaBm7m>

Thị xã Ayun Pa

Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Ayun Pa
lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3TNszk9>

Huyện Chư Păh

Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Chư Păh
lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3DnKSp5>

Huyện Chư Prông

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Prông
Nhiệm kỳ 2020-2025

Huyện Chư Puh

Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Chư Puh
lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3DnKSp5>

Huyện Chư Sê

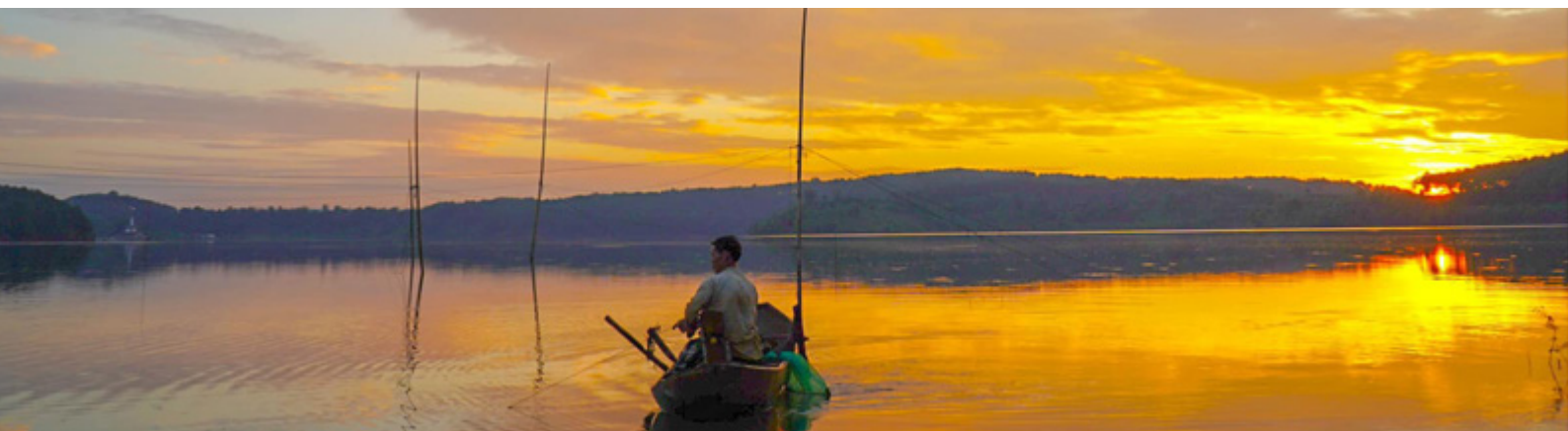
Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chư Sê
lần thứ X(nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3zbodL0>

Huyện Đăk Đoa

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đăk Đoa
lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3CWR0UI>

Huyện Đăk Pơ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đăk Pơ
lần thứ XVII(nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3gCYW6n>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Gia Lai

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	DIỆN TÍCH (km ²)	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TỈNH GIA LAI	1.529.529	15.565,02	2778
THÀNH PHỐ PLEIKU	254.802	260,77	977
THỊ XÃ AN KHÊ	81.600	200,65	407
THỊ XÃ AYUN PA	39.936	287,00	139
CHƯ PĂH	77.299	974,50	79
CHƯ PRÔNG	123.555	1.685,50	73
CHƯ PƯH	77.511	718,05	108
CHƯ SÊ	121.965	643,00	190
ĐẮK ĐOA	123.282	990,35	124
ĐẮK PƠ	40.442	502,62	80

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Gia Lai Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Huyện Đức Cơ

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ
lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3solFpc>

Huyện Kông Chro

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Kông Chro
lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bit.ly/3zb5CPr>

Huyện Ia Grai

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ia Grai
lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3Dsp2li>

Huyện Krông Pa

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Krông Pa
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bit.ly/3TTCww0>

Huyện Ia Pa

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ia Pa
lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3f4EJpt>

Huyện Mang Yang

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mang Yang
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3gCDWMS>

Huyện Kbang

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Kbang
lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3D27JX2>

Huyện Phú Thiện

Báo cáo tình hình nhiệm vụ công tác năm 2021
và triển khai kế hoạch năm 2022
<https://bit.ly/3CWUu9K>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Gia Lai

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	DIỆN TÍCH (km ²)	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
ĐỨC CỜ	75.718	724,28	105
IA GRAI	105.664	1.157,30	91
IA PA	56.596	870,90	65
KBANG	65.437	1.850,30	35
KÔNG CHRO	52.406	1.438,20	36
KRÔNG PA	86.416	1.628,00	53
MANG YANG	68.273	1.127,80	61
PHÚ THIÊN	78.627	505,80	155

